

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống theo triều, khu vực nội đồng mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống chậm, mức nước cao nhất ngày 13/01 ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-35cm. Mức nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 15-30cm và thấp hơn TBNN từ 05-30cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mức nước xuống theo triều, mức nước cao nhất ngày 13/01 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-40cm, cao hơn TBNN từ 15-20cm. Mức nước thấp nhất hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các kênh, rạch xuống chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 13/01 hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm.

- Khu vực cửa sông: Mức nước xuống nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 13/01 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 61cm, lên 12cm so với ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước trên các sông, kênh xuống chậm trong 2-3 ngày đầu, sau lên lại theo triều.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống theo xu thế triều biển Đông trong 2-3 ngày tới, sau lên lại theo triều.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên dần theo xu thế triều biển Tây trong 5 ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: khả năng xuất hiện hiện tượng sạt lở bờ sông, kênh rạch do tác động của dòng chảy và biên độ dao động mức nước lớn.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 15/1/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 13/01						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	14/1	15/1	16/1	17/1	18/1
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBN N	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBN N										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	34	21	-32	144	-19	-6	132	126	122	124	127	31	28	23	22	23
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	16	19	-6	147	-32	8	134	128	126	128	133	14	11	7	9	11
Hậu	Khánh An	420	470	520	86	17	-9	143	-25	-13	137	131	127	125	127	82	80	77	76	77
	Châu Đốc	300	350	400	27	14	-24	155	-35	27	143	137	133	135	138	24	21	16	15	16
	Long Xuyên	190	220	250	18	22	13	160	-38	19	152	146	144	146	150	16	13	9	11	13
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	21	21	-10	156	-25	12	141	135	133	135	139	19	16	12	14	16
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	22	-1	-20	50	-12	-14	48	47	48	49	51	21	20	21	22	23
	Vĩnh Gia	200	240	280	27	0	-10	36	1	-5	34	33	34	35	37	26	25	26	27	28
	Vĩnh Điều	170	200	230	42	8	-4	46	6	-7	44	43	44	45	47	41	40	41	42	43
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	35	-1	-9	44	2	-6	42	41	42	43	45	34	33	34	35	36
T5	Nông Trường	160	190	220	44	-3	-6	53	0	-4	51	50	51	52	54	43	42	43	44	45
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	30	-6	-12	61	-15	-3	61	60	61	62	63	29	28	27	28	29
	Cô Tô	140	180	220	53	-3	4	72	-9	13	72	71	72	73	74	52	51	50	51	52
	Nam Thái Sơn	90	120	150	45	-14	-	60	-9	-	60	59	60	61	62	44	43	42	43	44
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	22	-7	-9	35	-6	-1	36	35	36	37	38	21	20	19	20	21
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	70	-4	14	92	-5	20	93	92	93	94	95	69	68	67	68	69
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	68	-7	2	119	-18	15	120	119	120	121	122	67	66	65	66	67
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	62	-6	-2	88	-11	4	89	88	89	90	91	61	60	59	60	61
	Tân Thành	120	150	180	55	-8	3	72	-7	3	73	72	73	74	75	54	53	52	53	54
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	42	-10	4	57	-7	3	58	57	58	59	60	41	40	39	40	41
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	8	-25	10	36	-6	-10	37	39	43	46	47	10	9	8	7	6
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-20	1	3	61	-24	0	68	72	77	80	83	-22	-24	-26	-28	-30

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





